

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-02-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VINH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Hoàng Ân
- Ông Lê Đức Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú.

Ngày 03 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn:** Chị Thạch Thị N, sinh năm 1979 “vắng mặt”
 - Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 “vắng mặt”
 - Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thị Thúy M, sinh năm 2004
- Cùng địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H xây dựng hôn nhân vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 15/5/2003. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Đến năm 2015 chị và anh H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, gia đình không còn hạnh phúc. Đến năm 2020 anh H bỏ đi không còn liên lạc gì với chị.

Do cuộc sống không hạnh phúc, có đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn H có một con chung là Nguyễn Thị Thúy M, sinh năm 2004 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị Thạch Thị N thì Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn anh Nguyễn Văn H nhưng bị đơn không đến tham gia phiên họp, hòa giải và Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn H.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết chị Thạch Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Nguyễn Thị Thúy M, sinh năm 2004 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho chị N do thuộc diện người dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Thạch Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Thạch Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Thạch Thị N và anh Nguyễn Văn H thành hôn vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số I ngày 15/5/2003 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy lời trình bày của chị N cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Đến năm 2015 chị và anh H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, gia đình không còn hạnh phúc. Đến năm 2020 anh H bỏ đi không còn liên lạc gì với chị N, cũng phù hợp với lời trình bày của người thân của chị N và anh H. Từ đó, xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Thạch Thị N và anh Nguyễn Văn H có một con chung tên Nguyễn Thị Thúy M, sinh năm 2004 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, anh H không có ý kiến trình bày nên không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị N nộp 300.000đ án phí ly hôn, nhưng chị N là dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho chị N theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị N.

Xử cho chị Thạch Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí cho chị Thạch Thị N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Bá Phúc